TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA** Bản án số:14/2018/DS-ST Ngày: 05-10-2018 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hưởng,

2. Ông Nguyễn Duy Nguyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà*:* Ông Trần Quốc Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện D – tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-DS ngày 14/8/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST-DS ngày 11/9/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tôn Nữ Phương V- Sinh năm: 1969

Địa chỉ: 420C/12 L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- *Bị đơn:* Ông Phan Trần Quốc K - Sinh năm: 1975

Địa chỉ: Tổ dân phố P 4, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/4/2018, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 26/7/2018, các bản tự khai ngày 11/4/2018, ngày 18/4/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Tôn Nữ Phương V trình bày:

Ngày 28/6/2016, bà Tôn Nữ Phương V cho ông Phan Trần Quốc K mượn số tiền 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng) theo Hợp đồng mượn tiền có công chứng số 3762 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa, thời hạn vay từ ngày 28/6/2016 đến ngày 28/6/2017, không tính lãi suất (địa chỉ liên hệ của bà V theo hợp đồng nêu trên: 09 B, phường S, thành phố N). Từ ngày hết hạn hợp đồng cho đến nay, ông K không trả nợ nên bà V khởi kiện yêu cầu ông K trả nợ số tiền vay nêu trên.

Ngày 15/4/2018, bà V khởi kiện bổ sung tiền lãi với mức lãi suất 4%/tháng tính trên số tiền gốc kể từ ngày 28/7/2017 đến ngày 28/4/2018 là 25.920.000 đồng (Hai mươi lăm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). Nhưng đến ngày 26/7/2018, bà V có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, yêu cầu ông K trả gốc đã vay và tiền lãi từ ngày 28/7/2017 đến ngày 28/7/2018, mức lãi suất 1%/tháng là 8.640.000 đồng (Tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bà V thay đổi yêu cầu khởi kiện: yêu cầu ông K trả cho bà V 72.000.000 đồng tiền gốc và khoản tiền lãi tính theo quy định của pháp luật trên số tiền gốc kể từ ngày 28/6/2017 đến ngày 28/9/2018 (15 tháng).

Tòa án xác minh và tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với ông Phan Trần Quốc K nhưng ông K không đến Tòa để trình bày ý kiến và Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo dời ngày xét xử nhưng ông Phan Trần Quốc K vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

"Hợp đồng mượn tiền" ngày 28/6/2016 giữa bà Tôn Nữ Phương V và ông Phan Trần Quốc K đã ký là hợp đồng vay tài sản, hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015,

Đối với số tiền gốc: Nguyên đơn trình bày việc vay nợ theo Hợp đồng mượn tiền ngày 28/6/2016, quá thời hạn mượn không trả, nay còn nợ 72.000.000 đồng (*Bảy mươi hai triệu đồng*). Ông Phan Trần Quốc K không trả nợ khi hết hạn hợp đồng vay là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo

khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Mặt khác, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông K không đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận, buộc ông Phan Trần Quốc K phải trả cho bà Tôn Nữ Phương V 72.000.000 đồng (*Bảy mươi hai triệu đồng*) khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

- Đối với số tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông K trả nợ tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày hết hạn hợp đồng (28/6/2017) cho đến ngày 28/9/2018. Yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015, do vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông K phải trả cho bà V số tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, mức lãi suất 10%/ năm (tức 0,83%/tháng), cụ thể:

72.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 15 tháng = 8.964.000 đồng.

[3] Về án phí:

- Ông Phan Trần Quốc K phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm: (72.000.000 đồng + 8.964.000 đồng) x 5% = 4.048.000 đồng.

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Tôn Nữ Phương V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 và khoản 4 Điều 466, khoản 1 Điều 470, khoản 2 Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phan Trần Quốc K phải trả cho bà Tôn Nữ Phương V 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng) tiền gốc và 8.964.000 đồng (Tám triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) tiền lãi khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Án phí:

- Ông Phan Trần Quốc K phải nộp 4.048.000 đồng (Bốn triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Tôn Nữ Phương V 1.800.000 đồng + 648.000 đồng = 2.448.000 đồng (Hai triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D – Khánh Hòa

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0018676 ngày 04/4/2018 và số AA/2016/0018703 ngày 18/4/2018.

Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn nêu trên kể từ ngày niêm yết hoặc ngày nhận được bản án.

***Nơi nhận**:*
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Tín